

NGHỊ QUYẾT

Về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đắk Glei

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI
KHÓA XV KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định 381/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 01/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

Điều 2. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Chi tiết tại Phụ lục II, III, IV, V kèm theo.

Điều 3. Giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Chi tiết tại Phụ lục VI, VII, VIII kèm theo.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Kon Tum và các quy định khác có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- Thường trực HĐND; UBND các xã, thị trấn;
- KBNN huyện Đăk Glei;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT. *Due*



A Sô Lai



Phụ lục I

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 (phần đầu đến năm 2025)	
			Tỉnh giao	Địa phương giao
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			
1.1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4	4
1.2	Xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn			
-	Số xã	xã	>26	>6
-	Tỷ lệ xã	%	>50	>54
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm	%	4	6
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025			
3.1	Cấp huyện			
-	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	huyện		
3.2	Cấp xã			
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	45,45	54,54
	<i>Trong đó:</i>			
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	16,67	
-	Tỷ lệ xã đạt nông thôn kiểu mẫu	%	10	



Phụ lục II

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIẢI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		TỔNG SỐ	Trong đó		
			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	
TỔNG SỐ		284.775	260.368	24.407	
I	Cấp huyện	164.743	164.743		
1	Phòng Dân tộc	16.416	16.416		
2	BQL dự án đầu tư xây dựng	144.831	144.831		
3	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.496	3.496		
II	Cấp xã	120.032	95.625	24.407	
1	Thị trấn Đắk Glei	10.144	10.144		
2	Xã Đắk Long	12.938	11.231	1.707	
3	Xã Đắk Nhoong	6.596	4.890	1.706	
4	Xã Đắk Plô	12.774	11.068	1.706	
5	Xã Đắk Man	10.097	8.391	1.706	
6	Xã Đắk Choong	11.739	10.033	1.706	
7	Xã Xốp	10.134	8.428	1.706	
8	Xã Mường Hoong	10.272	8.566	1.706	
9	Xã Ngọc Linh	13.019	11.313	1.706	
10	Xã Đắk Kroong	13.599	10.013	3.586	
11	Xã Đắk Pék	5.134	1.548	3.586	
12	Đắk Môn	3.586		3.586	

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI



(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025										Dự án 10 (Tiểu dự án 2)
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần									
			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3 (Tiểu dự án 2)	Dự án 4 (Tiểu dự án 1)	Dự án 5 (Tiểu dự án 1)	Dự án 6 (tiểu dự án 6.1)	Dự án 6 (tiểu dự án 6.3)	Dự án 7	Dự án 9 (Tiểu dự án 1)	
	TỔNG SỐ	260.368	16.416	78.837		125.454	28.880	4.757	2.528			3.496
I	Cấp huyện	164.743	16.416	78.837		32.357	28.880	4.757				3.496
1	Phòng dân tộc	16.416	16.416									
2	BQL dự án đầu tư xây dựng	144.831		78.837		32.357	28.880	4.757				
3	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.496										3.496
II	Cấp xã	95.625				93.097			2.528			
1	Thị trấn Đắk Glei	10.144				9.828			316			
2	Xã Đắk Long	11.231				10.915			316			
3	Xã Đắk Nhoong	4.890				4.574			316			
4	Xã Đắk Plô	11.068				10.752			316			
5	Xã Đắk Man	8.391				8.233			158			
6	Xã Đắk Choong	10.033				9.875			158			
7	Xã Xốp	8.428				8.270			158			
8	Xã Mường Hoong	8.566				8.250			316			

TT	Đơn vị địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025										Dự án 10 (Tiểu dự án 2)
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần									
			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3 (Tiểu dự án 2)	Dự án 4 (Tiểu dự án 1)	Dự án 5 (Tiểu dự án 1)	Dự án 6 (tiểu dự án 6.1)	Dự án 6 (tiểu dự án 6.3)	Dự án 7	Dự án 9 (Tiểu dự án 1)	
9	Xã Ngọc Linh	11.313				10.997				316		
10	Xã Đăk Kroong	10.013				10.013						
11	Xã Đăk Pék	1.548				1.390				158		

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
 - Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
 - *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
 - *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS*
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
 - Tiểu dự án 1: Điểm đến du lịch tiêu biểu được hỗ trợ đầu tư xây dựng*
 - Tiểu dự án 3: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em
8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
 - *Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*
9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình
 - *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*


Phụ lục IV

CHI TIẾT KẾ HOẠCH BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
1	2	3	4	5	6	8	9	11	12	16
	TỔNG SỐ					262.016	260.367	262.016	260.367	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					16.416	16.416	16.416	16.416	
<i>I.1</i>	<i>Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất</i>					<i>3.309</i>	<i>3.309</i>	<i>3.309</i>	<i>3.309</i>	
1	Hỗ trợ đất ở đất ở	các xã, thị trấn	Phòng Dân tộc	16 hộ	2022	466	466	466	466	
2	Hỗ trợ nhà ở	các xã, thị trấn	Phòng Dân tộc	47 hộ	2022-2023	1.369	1.369	1.369	1.369	
3	Hỗ trợ đất sản xuất	các xã, thị trấn	Phòng Dân tộc	90 hộ	2023-	1.474	1.474	1.474	1.474	
<i>I.2</i>	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>					<i>13.107</i>	<i>13.107</i>	<i>13.107</i>	<i>13.107</i>	
1	Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung thôn Làng Mới	Thôn Làng Mới	Phòng Dân tộc	Làm mới đập đầu mối, ống dẫn nước, bồn chứa nước cho 144 hộ	2022	2.100	2.100	2.100	2.100	
2	NSH tập trung thôn Kung Rang xã Ngọc Linh	Thôn Kung Rang	Phòng Dân tộc	Đập đầu mối, bể lọc, đường ống và bồn chứa nước	2022	2.007	2.007	2.007	2.007	
3	NSH tập trung Đăk Lờ thôn Bung Tôn xã Đăk Plô	Bung Tôn - Đăk Plô	Phòng Dân tộc	Xây mới đập đầu mối, 2 bể lắng lọc, thay đường ống khoảng 1500m và 10 bồn chứa nước tại các điểm đầu nối nước về khu dân cư phục vụ 2 thôn Bung Tôn và Bung Koong, trụ sở UBND xã.	2023-2025	2.500	2.500	2.500	2.500	

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW				
4	NSH Đăk Tam, thôn Vai trang xã Đăk Long	Vai Trang - Đăk Long	Phòng Dân tộc	Xây mới đập đầu mối, ống dẫn nước L=1,5 km	2023-2025	2.000	2.000	2.000	2.000		
5	Công trình NSH thôn Đông Nay	Thôn Đông Nay	Phòng Dân tộc	Xây mới đập đầu mối, 2 bể lắng lọc, thay đường ống khoảng 1.500m, 10 bồn chức tại các điểm đầu nổi nước về khu dân cư	2024-2025	2.000	2.000	2.000	2.000		
6	NSH tập trung thôn Xốp Dùi xã Xốp	Thôn Xốp Dùi	Phòng Dân tộc	CT IV; HM công trình: Đập đầu mối, bể chứa, lắng lọc, đường ống dẫn nước và bồn chứa nước	2025	2.500	2.500	2.500	2.500		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết						78.837	78.837	78.837	78.837	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei	Xã Mường Hoong	Ban QLDA ĐTXD huyện	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ cho 138 hộ	2022-2024	19.200	19.200	19.200	19.200		
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Xốp, huyện Đăk Glei	Xã Xốp	Ban QLDA ĐTXD huyện	Bố trí ổn định dân cư tập trung cho 112 hộ, 390 khẩu và ổn định dân cư tại chỗ cho 446 hộ của xã Xốp	2022-2024	35.237	35.237	35.237	35.237		
3	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei	xã Ngọc Linh	Ban QLDA ĐTXD huyện	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ cho 763 hộ với 2,756 khẩu của xã Ngọc Linh	2023-2025	20.000	20.000	20.000	20.000		
4	Hỗ trợ làm nhà dự án định canh định cư tập trung thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei	Thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong	UBND xã Mường Hoong	Hỗ trợ bố trí nhà ở cho 110 hộ	2023-2025	4.400	4.400	4.400	4.400		
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi						127.103	125.454	127.103	125.454	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú		
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW
III.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi											
*	Cấp huyện						32.357	32.357	32.357	32.357		
	BQL dự án đầu tư xây dựng						32.357	32.357	32.357	32.357		
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ huyện Đắk Glei đi xã Xốp (đoạn ĐH83 từ ngã ba xã Đắk Choong đi xã Xốp)	Đắk Choong-Xốp	BQL dự án đầu tư xây dựng	Đường GTNT loại C; L=9,6 Km	2022-2024	15.775	15.775	15.775	15.775			
2	Sửa chữa, cải tạo chợ Đắk Pék	Xã Đắk Pék	BQL dự án đầu tư xây dựng	Công trình cấp IV	2022	741	741	741	741			
3	Thủy lợi Đắk Xay thôn Xa Úa	Xã Mường Hoong	BQL dự án đầu tư xây dựng	L= 600m; kích thước 30x40; xây mới đập đầu mối	2022	1.034	1.034	1.034	1.034			
4	Thủy lợi Long La thôn Làng Mới xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong	BQL dự án đầu tư xây dựng	Đập đầu mối, kiên cố hóa kênh mương	2022	855	855	855	855			
5	Thủy Lợi Đắk Kôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh	BQL dự án đầu tư xây dựng	Đập đầu mối, kiên cố hóa kênh mương L = 100m, kích thước 40*30cm	2022	300	300	300	300			
6	Thủy Lợi Chiếc Tuôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh	BQL dự án đầu tư xây dựng	Đập đầu mối, kiên cố hóa kênh mương L = 600m, kích thước 40*30cm	2022	1.037	1.037	1.037	1.037			
7	Cầu tràn suối Đắk Nol thôn Đắk Xi Na xã Xốp	Xã Xốp	BQL dự án đầu tư xây dựng	Cầu tràn; Lnhip=10m; Bm=3m; Lt=20m	2022	1.077	1.077	1.077	1.077			
8	Sửa chữa Công trình thủy lợi Đắk Cho thôn Măng Khên	Xã Đắk Man	BQL dự án đầu tư xây dựng	Sửa chữa đập đầu mối, thay mới các van điều chỉnh nước đập đầu mối, thay đường ống dẫn nước	2022	1.000	1.000	1.000	1.000			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
1.1	Đường đi khu sản xuất thôn Pên Lang, xã Đăk Plô (Đoạn từ nhà A Sỹ đến ruộng A Nâu)	Pên Lang	UBND Xã Đăk Plô	Đường GTNT; Lt = 800m, Bn = 4,0, Bm = 3,0	2022	1.238	1.100	1.238	1.100	
1.2	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Dót thôn Đăk Book, xã Đăk Plô	Đăk Book	UBND Xã Đăk Plô	Kênh dẫn và công trình trên kênh Lt=800m; kích thước 40*30	2022	951	850	951	850	
1.3	Đường đi khu sản xuất Đăk Đơ (Nối dài)	Đăk Đơ- Bung Koong	UBND xã Đăk Plô	L=1500m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 2m, dày 14cm	2023-2024	1.600	1.600	1.600	1.600	
1.4	Đường đi khu sản xuất A Brồ	A Brồ- Pêng Lang	UBND xã Đăk Plô	L=800m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2023-2024	800	800	800	800	
1.5	Đường đi sản xuất Đăk Mế tới Đăk Nang	Đăk Mế- Bung Tôn	UBND Xã Đăk Plô	L= 500m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2023-2024	500	500	500	500	
1.6	Đường GTNT đi vào khu sản xuất Đăk Peng thôn Đăk Book	Đăk Peng- Đăk Bóok	UBND Xã Đăk Plô	L= 2000m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 2m, dày 14cm	2024-2025	2.000	2.000	2.000	2.000	
1.7	Làm mới đường đi vào nghĩa trang nhân dân thôn Pêng Lang	Pêng Lang	UBND Xã Đăk Plô	L=700m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2024-2025	802	802	802	802	
1.8	Đường đi khu sản xuất Đăk Đủ	Bung Boong	UBND Xã Đăk Plô	L=650m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2024-2025	700	700	700	700	
1.9	Làm mới đường đi vào nghĩa trang nhân dân thôn Đăk Book	Đăk Book	UBND Xã Đăk Plô	L=450m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2025	500	500	500	500	
1.10	Đường đi KSX Đăk Xa thôn bung Koong	Bung Koong	UBND Xã Đăk Plô	L=1200m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2025	1.500	1.500	1.500	1.500	
1.11	Đường đi khu sản xuất Đăk Mo thôn Bung Tôn	Bung Tôn	UBND Xã Đăk Plô	L=350m, mặt đường BTXM M200 đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2025	400	400	400	400	
2	Xã Mường Hoong					8.365	8.250	8.365	8.250	
2.1	Đường từ nhà A Thủy đi khu sản xuất thôn Đăk Rế	Thôn Đăk Rế	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=950m; Bn= 5m; Bm=3m	2022	1.315	1.200	1.315	1.200	
2.2	Đường đi KSX từ thôn Đăk Rế đến Đài truyền hình cũ thôn Đăk Rế	Thôn Đăk Rế	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=1000m; Bn= 5m; Bm=3m	2023-2024	1.300	1.300	1.300	1.300	




TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
2.3	Đường đi KSX Măng Ri thôn Mô Po	Thôn Mô Po	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=1300m;Bn= 5m;Bm=3m	2023-2024	1.300	1.300	1.300	1.300	
2.4	Đường đi KSX từ Đăk Niêng đến Văng Pót thôn Đăk Bê	Thôn Đăk Bê	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=750m;Bn= 5m;Bm=3m	2024-2025	950	950	950	950	
2.5	Đường đi KSX Đăk Ba thôn Tu Răng	Thôn Tu Răng	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=1200m;Bn= 5m;Bm=3m	2024-2025	1.400	1.400	1.400	1.400	
2.6	Đường đi KSX từ trường học đến Tân Rát (Giai đoạn 1) thôn Xa Úa	Thôn Xa Úa	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=1100m;Bn= 5m;Bm=3m	2025	1.200	1.200	1.200	1.200	
2.7	Đường đi KSX từ nhà A Bô tới Nong Mun thôn Làng Mới	Thôn Làng Mới	UBND xã Mường Hoong	Đường GTNT loại C; L=500m;Bn= 5m;Bm=3m	2025	900	900	900	900	
3	Xã Ngọc Linh					11.086	10.997	11.086	10.997	
3.1	Đường GTNT thôn Kung Rang xã Ngọc Linh	Kung Rang	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=400m	2022	438	400	438	400	
3.2	Sửa chữa đường từ TT xã đi thôn Ngọc Súc	Xã Ngọc Linh	UBND xã Ngọc Linh	Sửa chữa, khắc phục tại các điểm bê tông bị nứt, vỡ với tổng chiều dài 3 Km	2022	551	500	551	500	
3.3	Đường GTNT Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Đăk Nai	Đăk Nai	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=2450m	2023-2024	2.500	2.500	2.500	2.500	
3.4	Đường GTNT Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Kon Tuông	Kon Tuông	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=1200m	2024-2025	1.200	1.200	1.200	1.200	
3.5	Sửa chữa đường từ cầu Đăk Đoan đi thôn Sa Múc	xã Ngọc Linh	UBND xã Ngọc Linh	Công trình GTNT cấp IV	2024-2025	697	697	697	697	
3.6	Đường GTNT Tân Rát đi khu sản xuất Vay Háy	Tân Rát	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=1120m	2024-2025	1.100	1.100	1.100	1.100	
3.7	Đường từ tỉnh lộ 673 đi khu sản xuất Đăk Reo	Long Năng	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=1120m	2025	1.100	1.100	1.100	1.100	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
3.8	Đường GTNT Tu Dốp 2	Tu Dốp	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=1200m	2025	1.200	1.200	1.200	1.200	
3.9	Đường GTNT thôn Sa Múc đi khu sản xuất Kiếp Tu	Sa Múc	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=1250m	2025	1.300	1.300	1.300	1.300	
3.10	Đường GTNT Sa Múc đi KSX Đá Tỏi	Sa Múc	UBND xã Ngọc Linh	Đường GTNT loại C; L=900m	2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
4	Xã Xốp					8.366	8.270	8.366	8.270	
4,1	Đường đi KSX Đăk Rang thôn Xốp Dùi xã Xốp	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=600m	2022	896	800	896	800	
4,2	Đường đi KSX Đăk Cam đến Đăk Lô thôn Kon Liêm xã Xốp	Thôn Kon Liêm, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=800m	2023-2024	950	950	950	950	
4,3	Đường đi nội đồng Đăk Heng thôn Xốp Nghét xã Xốp	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=1.000m	2023-2024	1.050	1.050	1.050	1.050	
4,4	Đường đi KSX Đăk Ping thôn Xốp Nghét xã Xốp	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=600m	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
4,5	Kênh mương Đăk Soong thôn Xốp Dùi xã Xốp	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	UBND xã Xốp	kênh dẫn nướcKT 40*40 Lt=800m	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
4,6	Đường đi KSX Đăk Xoong thôn Xốp Dùi xã Xốp	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=700m	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
4,7	Sân thể thao thôn Xốp Nghét xã Xốp	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	UBND xã Xốp	Sân bóng đá KT 100*80m	2025	30	30	30	30	
4,8	Đường nội thôn Xốp Dùi xã Xốp nhánh 2	Xốp Dùi xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=1000m	2025	940	940	940	940	
4,9	Đường đi KSX Nước Rùi thôn Xốp Dùi xã Xốp	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; Bn=5m; Bm=3m; Lt=2000m	2025	1.500	1.500	1.500	1.500	
5	Thị trấn Đăk Gleit					10.006	9.828	10.006	9.828	
5.1	Đường đi KSX từ nhà bà Chiến đến ruộng Huyện đội	Thôn Đăk Dung	UBND thị trấn	Mở rộng nền đường, bê tông hóa mặt đường; khoảng 1,5km	2022	1.961	1.783	1.961	1.783	
5.2	Đường Chung Năng ngoài đi Chung Năng trong (bê tông hóa một số đoạn chưa được đầu tư)	Thôn Chung Năng	UBND thị trấn	bê tông hoá mặt đường	2023-2024	1.985	1.985	1.985	1.985	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
5.3	Đường đi KSX từ cầu treo Đăk Non đi rẫy A Thái	Long Nang	UBND thị trấn	Mở rộng nền đường, bê tông hóa mặt đường; khoảng 1,5km	2023-2024	1.960	1.960	1.960	1.960	
5.4	Đường đi sản xuất thôn Đông Sông	Thôn Đông Sông	UBND thị trấn	Mở rộng nền đường, bê tông hóa mặt đường; khoảng 1,5km	2024-2025	2.100	2.100	2.100	2.100	
5.5	Đường đi KSX từ cầu treo Đăk Non đến rẫy A Thái	Thôn Long Nang	UBND thị trấn	Mở rộng nền đường, bê tông hóa mặt đường; khoảng 1,5km	2025	2.000	2.000	2.000	2.000	
6	Xã Đăk Long					11.172	10.915	11.172	10.915	
6.1	Đường đi sản xuất Đăk Trum thôn Vai Trang	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L =1,4km, rộng 3m	2022	1.525	1.371	1.525	1.371	
6.2	Tu sửa thủy lợi Đăk Nha thôn Dục Lang	Xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Kiên cố hóa kênh mương L=300m kích thước 30x40	2022	354	300	354	300	
6.3	Đường đi sản xuất Đăk Bang nối dài thôn Đăk Xây	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L = 0,3km, rộng 3m	2022	449	400	449	400	
6.4	Đường đi sản xuất Đăk Ting nối dài thôn Đăk Tu xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L =1,5km, rộng 3m	2023-2024	1.900	1.900	1.900	1.900	
6.5	Đường đi KSX Đăk Pook thôn Pêng Blong xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L=1,5 km, rộng 3m	2023-2024	1.500	1.500	1.500	1.500	
6.6	Đường đi sản xuất Đăk Blok nhóm 1 thôn Đăk Ak xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L =1km, rộng 3	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
6.7	Đường SX Đăk MDét thôn Đăk Xây xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L =0,7 km, rộng 3	2024-2025	750	750	750	750	
6.8	Đường đi sản xuất Đăk Đôl thôn Đăk Tu xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L=2km, rộng 3m	2025	1.900	1.900	1.900	1.900	
6.9	Đường sản xuất Đăk Xia thôn Đăk Ôn xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	UBND xã Đăk Long	Đường GTNT loại C; L=0,9km, rộng 3m	2025	1.794	1.794	1.794	1.794	
7	Xã Đăk Nhoong					4.747	4.574	4.747	4.574	
7,1	Làm mới đường đi khu sản xuất Đăk Cho 2 thôn Đăk Nhoong	Đăk Nhoong	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT, Lt = 500m, Bn=4m; Bm = 3m	2022	562	500	562	500	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số	Ngân sách TW			
7.2	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội thôn nhóm 3 thôn Đăk Ung, xã Đăk Nhoong	Xã Đăk Nhoong	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT, Lt = 500; Bn=4m; Bm = 3m	2022	573	500	573	500	
7.3	Sửa chữa, nâng cấp đường dân sinh đoạn từ ngã ba cầu BTCT Đăk Roi đi thôn Đăk Ga	Xã Đăk Nhoong	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT, Lt = 1.000; Bn=4m; Bm = 3m	2022	962	924	962	924	
7.4	Xây mới đường đi khu sản xuất Đăk Công Tắc	Thôn Roóc Nậm	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=300m	2023-2024	550	550	550	550	
7.5	Xây mới đường đi khu sản xuất cũ	Thôn Roóc Nậm	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=600m	2023-2024	700	700	700	700	
7.6	Xây mới đường đi khu sản xuất Đăk Đoát	Thôn Đăk Ga	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=600m	2023-2025	700	700	700	700	
7.7	Xây mới đường đi khu sản xuất dọc suối Đăk Lô	Thôn Roóc Mệt	UBND xã Đăk Nhoong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=600m	2025	700	700	700	700	
8	Xã Đăk Kroong					10.246	10.013	10.246	10.013	
8.1	Đường GTNT từ cầu treo đi KSX Pêng Bai thôn Đăk Bo	Thôn Đăk Bo	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=700 m	2022	791	700	791	700	
8.2	Đường GTNT đi KSX Đăk Pók thôn Đăk Gô nổi dài	Thôn Đăk Gô	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=2500m	2022	1.258	1.116	1.258	1.116	
8.3	Đường GTNT Đăk Wăk nối dài nhánh 4 đi KSX của thôn	Thôn Đăk Wăk	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=1000 m	2023-2024	1.200	1.200	1.200	1.200	
8.4	Đường GTNT đi KSX (qua nghĩa địa) Thôn Đăk Túc giai đoạn 2	Thôn Đăk Túc	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=1500m	2023-2024	1.300	1.300	1.300	1.300	
8.5	Đường GTNT đi KSX từ vườn cà phê A Bê đến ruộng Đăk Lát trên	Thôn Nủ Vai	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=1000 m	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
8.6	Đường GTNT từ đường HCM đi KSX Đăk Năng thôn Đăk Bo	Thôn Đăk Bo	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=1000 m	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
8.7	Đường GTNT Đăk Gô từ nghĩa địa đi KSX của thôn	Thôn Đăk Gô	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=500m	2024-2025	697	697	697	697	

TT		Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú		
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW					
8.8	Đường GTNT từ khu tái định cư đi KSX thôn Đăk Túc	Thôn Đăk Túc	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=1500m	2025	1.500	1.500	1.500	1.500			
8.9	Đường GTNT từ vườn cà phê ông A Thâm đi KSX thôn Đăk Sút	Thôn Đăk Sút	UBND xã Đăk Kroong	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=1000m	2025	1.500	1.500	1.500	1.500			
9	Xã Đăk Man					8.233	8.233	8.233	8.233			
9.1	Đường đi khu SX Đăk Lú, thôn Đông Lốc	KSX Đăk Lú-thôn Đông Lốc	UBND xã Đăk Man	Xây mới Lt=0,6 km kết cấu BTXM, M200 đá 2x4, Bn=4m, Bm=3m, rãnh thoát nước bằng BTXM	2023-2024	800	800	800	800			
9.2	Đường đi khu sản xuất Đăk Hú, thôn Đông Nây - xã Đăk Man	KSX Đăk Hú-thôn Đông Nây	UBND xã Đăk Man	Xây mới Lt=1,2 km kết cấu BTXM, M200 đá 2x4, Bn=4m, Bm=3m, rãnh thoát nước bằng BTXM	2023-2024	1.133	1.133	1.133	1.133			
9.3	Đường đi Khu SX Đăk Nhăng, thôn Măng Khên, xã Đăk Man	KSX Đăk Nhăng-thôn Măng Khên	UBND xã Đăk Man	Xây mới Lt=1 km kết cấu BTXM, M200 đá 2x4, Bn=4m, Bm=3m, rãnh thoát nước bằng BTXM	2024-2025	1.200	1.200	1.200	1.200			
9.4	Đường đi khu SX Thông Tin, thôn Măng khên, xã Đăk Man	KSX Đăk Thông Tin-thôn Măng Khên	UBND xã Đăk Man	Xây mới Lt=1,2 km kết cấu BTXM, M200 đá 2x4, Bn=4m, Bm=3m, rãnh thoát nước bằng BTXM	2024-2025	1.200	1.200	1.200	1.200			
9.5	Đường đi khu SX Đăk Niên (GĐ 2), thôn Măng Khên, xã Đăk Man	KSX Đăk Niên-thôn Măng Khên	UBND xã Đăk Man	Xây mới Lt=1 km kết cấu BTXM, M200 đá 2x4, Bn=4m, Bm=3m, rãnh thoát nước bằng BTXM	2024-2025	1.100	1.100	1.100	1.100			
9.6	Đường đi KSX Măng Khên nhỏ (từ nhà A Vòng-KSX Đăk Reo) (GĐ2)	KSX Đăk Reo-thôn Măng Khên	UBND xã Đăk Man	Xây mới Lt=1,2 km kết cấu BTXM, M200 đá 2x4, Bn=4m, Bm=3m, rãnh thoát nước bằng BTXM	2025	1.200	1.200	1.200	1.200			
9.7	Sân thể thao thôn Đông Lốc xã Đăk Man	Thôn Đông Lốc	UBND xã Đăk Man	Công trình cấp IV	2025	30	30	30	30			
9.8	Đường đi khu sản xuất sau Trường TH - THCS xã Đăk Man	Thôn Măng Khên	UBND xã Đăk Man	Công trình GTNT loại C; Lt = 1600m	2025	1.570	1.570	1.570	1.570			
10	Xã Đăk Pek					1.416	1.390	1.416	1.390			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
10.1	Sửa chữa điểm trường thôn Đăk Nớ	Thôn Đăk Nớ, Xã Đăk Pék	UBND xã Đăk Pék	Phòng học, nhà vệ sinh, sân bê tông	2022	278	252	278	252	
10.2	Đường GTNT nội thôn thôn Đăk Nớ	Thôn Đăk Nớ	UBND xã Đăk Pék	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=35m	2023-2024	500	500	500	500	
10.3	Đường GTNT đi KSX thôn Đăk Nớ	Thôn Đăk Nớ	UBND xã Đăk Pék	Đường GTNT loại C; Bn=4m; Bm=3m; Lt=750m	2023-2024	638	638	638	638	
11	Xã Đăk Choong					10.118	9.875	10.118	9.875	
11.1	Đường nội thôn thôn Mô Mam	thôn Mô Mam,	UBND xã Đăk Choong	L=820m, Bn=4,0, Bm=3,0	2022	660	600	660	600	
11.2	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi Đăk Cối - Đăk Ca Năng thôn Kon Brôi - La Lua	thôn Kon Brôi - La Lua	UBND xã Đăk Choong	L=800 m; h=40; b=35	2022	550	500	550	500	
11.3	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Mí	thôn Đăk Mí	UBND xã Đăk Choong	L=1.154m, Bn=4,0, Bm=3,0	2022	966	833	966	833	
11.4	Đường đi nghĩa địa các thôn Đăk Glây - Mô Mam - Kon Brôi	thôn Kon brôi	UBND xã Đăk Choong	L=500m, Bn=4,0, Bm=3,0	2023-2024	550	550	550	550	
11.5	Đường sản xuất Mô Mam - Kon Brôi (GĐ2)	thôn Kon Brôi	UBND xã Đăk Choong	L=800m, Bn=4,0, Bm=3,0	2023-2024	900	900	900	900	
11.6	Đường đi sản xuất Đăk Bla	thôn Đăk Bla, xã Đăk Choong	UBND xã Đăk Choong	L=800m, Bn=4,0, Bm=3,0	2023-2025	900	900	900	900	
11.7	Đường vào nghĩa địa thôn Đăk Mí	thôn Đăk Mí, xã Đăk Choong	UBND xã Đăk Choong	L=500m, Bn=4,0, Bm=3,0	2024-2025	550	550	550	550	
11.8	Đường nội thôn Đăk Bla	thôn Đăk Bla, xã Đăk Choong	UBND xã Đăk Choong	L=700m, Bn=4,0, Bm=3,0	2024-2025	800	800	800	800	
11.9	KCH kênh mương thủy lợi Đăk Sĩ thôn Mô Mam	thôn Mô Mam	UBND xã Đăk Choong	S tưới = 6 ha; L= 500m	2024-2025	600	600	600	600	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
11.10	Đường đi sản xuất Đăk Si Ni thôn La Lua	thôn La Lua	UBND xã Đăk Choong	L=800m, Bn=4,0, Bm=3,0	2024-2025	950	950	950	950	
11.11	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Nghét	thôn Đăk Bla	UBND xã Đăk Choong	L=400 m; h=40; b=35	2025	492	492	492	492	
11.12	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Lây	thôn Đăk Lây	UBND xã Đăk Choong	L=600m, Bn=4,0, Bm=3,0	2025	750	750	750	750	
11.13	Đường đi nghĩa địa thôn Đăk Bla (Liêm Răng cũ)	thôn Đăk Bla	UBND xã Đăk Choong	L=600m, Bn=4,0, Bm=3,0	2025	750	750	750	750	
11.14	KCH kênh mương thủy lợi Kon Riêng	thôn Kon Riêng	UBND xã Đăk Choong	L=600 m; h=40; b=35	2025	700	700	700	700	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					28.880	28.880	28.880	28.880	
IV.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số					28.880	28.880	28.880	28.880	
1	Trường PTDTBT THCS xã Mường Hoong	Xã Mường Hoong	BQL dự án đầu tư xây dựng	Xây mới: 04 phòng bộ môn, 01 phòng sinh hoạt-giáo dục dân tộc; cung cấp 01 công trình vệ sinh nước sạch	2022	3.865	3.865	3.865	3.865	
2	Trường PTDTBT THCS xã Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh	BQL dự án đầu tư xây dựng	Xây mới 10 phòng ở giáo viên, 05 phòng ở học sinh	2022	3.487	3.487	3.487	3.487	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW				
3	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	Xã Đăk Long	BQL dự án đầu tư xây dựng	Xây mới: 4 phòng bộ môn, 17 phòng ở học sinh, 01 nhà ăn+nhà bếp, 01 phòng sinh hoạt dân tộc, 01 hệ thống nước sạch, nâng cấp 01 sân chơi+ bãi tập	2023-	9.068	9.068	9.068	9.068		
4	Trường Tiểu học xã Đăk Long	Xã Đăk Long	BQL dự án đầu tư xây dựng	Xây mới: 04 phòng học, 04 phòng bộ môn, 8 phòng ở học sinh, 01 nhà bếp, 01 nhà ăn	2024-2025	7.625	7.625	7.625	7.625		
5	Trường TH-THCS xã Đăk Man	Xã Đăk Man	BQL dự án đầu tư xây dựng	Xây mới: 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	2025	4.835	4.835	4.835	4.835		
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch						7.285	7.285	7.285	7.285	
V.1	6.1 Điểm đến du lịch tiêu biểu được hỗ trợ đầu tư xây dựng						4.757	4.757	4.757	4.757	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Ngục Đăk Glei	Xã Đăk Choong	BQL dự án đầu tư xây dựng	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	4.757	4.757	4.757	4.757		
I.2	6.3 Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						2.528	2.528	2.528	2.528	
1	Xây dựng nhà rông thôn làng mới xã Mường Hoong	Thôn làng mới	UBND xã Mường Hoong	Công trình dân dụng cấp IV	2023-2024	158	158	158	158		
2	Xây dựng nhà rông thôn Xã Úa xã Mường Hoong	Thôn Xa Úa	UBND xã Mường Hoong	Công trình dân dụng cấp IV	2023-2025	158	158	158	158		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW			
3	Xây dựng nhà rông thôn Xốp nghét xã Xốp	Thôn Xốp Nghét	UBND xã Xốp	Công trình dân dụng cấp IV	2023-2024	158	158	158	158	
4	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Book xã Đăk Plô	Thôn Đăk Book	UBND xã Đăk Plô	Công trình dân dụng cấp IV	2023-2024	158	158	158	158	
5	Xây dựng nhà rông thôn Bung Tôn xã Đăk Plô	Thôn Bung Tôn	UBND xã Đăk Plô	Công trình dân dụng cấp IV	2023-2024	158	158	158	158	
6	Xây dựng nhà rông thôn Mo Mam xã Đăk Choong	Thôn Mo Mam	UBND xã Đăk Choong	Công trình dân dụng cấp IV	2024-2025	158	158	158	158	
7	Xây dựng nhà rông thôn Dục Lang xã Đăk Long	Thôn Dục Lang	UBND xã Đăk Long	Công trình dân dụng cấp IV	2024-2025	158	158	158	158	
8	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Xây xã Đăk Long	Thôn Đăk Xây	UBND xã Đăk Long	Công trình dân dụng cấp IV	2024-2025	158	158	158	158	
9	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Ga xã Đăk Nhoong	thôn Đăk Ga	UBND xã Đăk Nhoong	Công trình dân dụng cấp IV	2024-2025	158	158	158	158	
10	Xây dựng nhà rông thôn Rooc Mệt xã Đăk Nhoong	Thôn Rooc Mệt	UBND xã Đăk Nhoong	Công trình dân dụng cấp IV	2024-2025	158	158	158	158	
11	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Ra thị trấn	Thôn Đăk Ra	UBND thị trấn	Công trình dân dụng cấp IV	2024-2025	158	158	158	158	
12	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Poi thị trấn	Thôn Đăk Poi	UBND thị trấn	Công trình dân dụng cấp IV	2025	158	158	158	158	
13	Xây dựng nhà rông thôn Long Năng xã Ngọc Linh	Thôn Long Năng	UBND xã Ngọc Linh	Công trình dân dụng cấp IV	2025	158	158	158	158	
14	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Sun xã Ngọc Linh	Thôn Đăk Sun	UBND xã Ngọc Linh	Công trình dân dụng cấp IV	2025	158	158	158	158	
15	Xây dựng nhà rông thôn Măng Khên xã Đăk Man	Thôn Măng Khên	UBND xã Đăk Man	Công trình dân dụng cấp IV	2025	158	158	158	158	
16	Xây dựng nhà rông thôn Đăk Nớ	Thôn Đăk Nớ	UBND xã Đăk Pek	Xây dựng 150m2	2025	158	158	158	158	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách TW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
VI	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình					3.496	3.496	3.496	3.496	
VI.1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					3.496	3.496	3.496	3.496	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	các xã, thị trấn	Phòng văn hóa và Thông tin	Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT để phát triển kinh tế và đảm bảo ANTT trên địa bàn các xã, thị trấn	2022-2024	3.496	3.496	3.496	3.496	*

Ghi chú:

* - Định mức thực hiện đối với xã, thị trấn ĐBK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 349trđ/xã*10 xã (gồm: Ngọc Linh; Mường Hoong; Đăk Choong; Xốp; Đăk Man; Đăk Pô; Đăk Nhoong; Thị trấn Đăk Glei; Đăk Kroong và xã Đăk Long)

- Định mức thực hiện đối với thôn ĐBK thuộc xã khu vực I, II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 5,8trđ*01 thôn (thôn Đăk Nờ xã Đăk Pék).

Phụ lục V

CHI TIẾT KẾ HOẠCH BỔ TRÍ CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI

Kiểm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó		Tổng số nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)		
						Tổng số nguồn vốn)	Nguồn Vốn NSTW						
	Tổng số					28.096	24.407	3.689	28.096	24.407	3.689		
I	Kế hoạch vốn ĐTPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022					17.113	14.930	2.183	17.113	14.930	2.183		
1	Xã Đắk Pék					997	427	570	997	427	570		
1.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Dên Prông	Thôn Dên Prông	UBND xã Đắk Pék	Xây mới 150m ²	2022-	355	100	255	355	100	255		
1.2	Sửa chữa nhà Rông thôn Đắk Đoát	Thôn Đắk Đoát	UBND xã Đắk Pék	Sửa chữa	2022-	35	20	15	35	20	15		
1.3	Sửa chữa nhà Rông thôn Măng Rao	Thôn Măng Rao	UBND xã Đắk Pék	Sửa chữa	2022-	35	20	15	35	20	15		
1.4	Sân thể thao thôn Dên Prông	Thôn Dên Prông	UBND xã Đắk Pék	Xây mới Sân thể thao	2022-	33	30	3	33	30	3		
1.5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Pêng Sal Pêng	Thôn Pêng Sal Pêng	UBND xã Đắk Pék	Xây mới 150m ²	2022-	355	100	255	355	100	255		
1.6	Đường đi KSX thôn Dên Prông	Thôn Dên Prông	UBND xã Đắk Pék	Đường GTNT L = 600m	2022-	184	157	27	184	157	27		
2	Xã Đắk Môn					472	427	45	472	427	45		
2.1	Đường GT đi KSX nối dài đến đập thủy lợi Đắk Tra (nhánh 1)	Thôn Broong Mết	UBND Xã Đắk Môn	Đường GTNT L = 335m	2022-	472	427	45	472	427	45		
3	Xã Đắk Kroong					481	427	54	481	427	54		
3.1	Nâng cấp sửa chữa thủy lợi Đắk Lát thôn Núi Vai, xã Đắk Kroong	Thôn Núi Vai	UBND xã Đắk Kroong	Xây mới công nước ngầm	2022-	481	427	54	481	427	54		
4	Xã Đắk Long					1.902	1.706	196	1.902	1.706	196		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn Vốn NSTW	Nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác				
4.1	Đường nội thôn đi sân bóng đá thôn Đắk Ak	Thôn DĐắk Ak	UBND Xã Đắk Long	Đường GTNT loại C; L=0,3km, rộng 3m	2022-	234	208	26	234	208	26	
4.2	Đường nội thôn nhóm 2 thôn Đắk Xây	Thôn Đắk Xây	UBND Xã Đắk Long	Đường GTNT loại C; L=0,2km, rộng 3m	2022-	225	200	25	225	200	25	
4.3	Đường nội thôn từ nhóm 1 đến nhóm 3 thôn Đắk Tu xã Đắk Long	Thôn Đắk Tu	UBND Xã Đắk Long	Đường GTNT loại C; L=1km, rộng 3	2022-	1.443	1.298	145	1.443	1.298	145	
5	Xã Đắk Nhoong					1.894	1.706	188	1.894	1.706	188	
5.1	Quy hoạch chi tiết nông thôn mới trung tâm xã Đắk Nhoong	Trung tâm xã	UBND xã Đắk Nhoong	Quy mô lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, 12.97 ha	2022-	500	500	-	500	500	-	
5.2	Xây rãnh thoát nước nội thôn Đắk Ung	Thôn Đắk Ung	UBND xã Đắk Nhoong	Xây rãnh thoát nước thôn Đắk Ung (CT GTNT nhóm C cấp IV, chiều dài 403m, rãnh thoát nước 70x70, tấm đan bằng BTCT M200 kích thước 100x47x10cm, rãnh có Nhà rông DT 70m2, khung nhà bằng tre, mái lợp tranh, sàn bằng tre, vách thưng phên. San bê tông KT 20x10=200m2	2022-	550	500	50	550	500	50	
5.3	Làm mới nhà rông thôn Đắk Ung	Thôn Đắk Ung	UBND xã Đắk Nhoong		2022-	114	100	14	114	100	14	
5.4	Sửa chữa đường nội thôn Đắk Ga	Thôn Đắk Ga	UBND xã Đắk Nhoong	Đường GTNT loại C cấp IV, chiều dài 550m, Bề nền 4m, Bề mặt 3m, mặt đường BTXM đá 2x4 M200 dày 14cm, hệ thống thoát nước	2022-	730	606	124	730	606	124	
6	Xã Đắk Pí					1.900	1.706	194	1.900	1.706	194	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác					
6.1	Đường đi khu sản xuất Đắk Zôm nói dài thôn Pêng Lang	Pêng Lang	UBND xã Đắk Piô	L=300m, mặt đường BTXM M200đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2022-	452	406	46	452	406	46		
6.2	Công trình Đường từ cầu treo Đắk Piô 1 nói dài	Bung Tôn	UBND xã Đắk Piô	L=500m, mặt đường BTXM M200đá 2x4, rộng 3m, dày 14cm	2022-	779	700	79	779	700	79		
6.3	Sửa chữa 06 phòng học tại cụm Đắk Book	Đắk Book	UBND xã Đắk Piô	Sửa chữa 06 phòng học; Dây 3 phòng học số 1: diện tích 7.8X23m; Dây 3 phòng học số 2: Diện tích 7,7 X22m	2022-	669	600	69	669	600	69		
7	Xã Đắk Choong					1.880	1.706	174	1.880	1.706	174		
7.1	Đường đi sản xuất Ka Lek thôn Đắk Glây	thôn Đắk Glây, xã Đắk Choong	UBND xã Đắk Choong	Công trình giao thông cấp IV, loại C, Bnền = 4,0m; Bmặt = 3,0m; Blè = 2x0,5m; dài 1.250m	2022-	1.149	1.046	103	1.149	1.046	103		
7.2	Sân thể thao thôn Đắk Bla	thôn Đắk Bla, xã Đắk Choong	UBND xã Đắk Choong	Công trình dân dụng cấp IV, diện tích xây dựng 200m ² ; 01 bộ trụ, lưới	2022-	36	30	6	36	30	6		
7.3	Đường đi sản Do Y Ram	thôn Đắk Bla, xã Đắk Choong	UBND xã Đắk Choong	Công trình giao thông cấp IV, loại C; Bnền =4,0m; Bmặt = 2,0m; Blè = 2x0,5m; chiều dài 670m	2022-	659	600	59	659	600	59		
7.4	Sân thể thao thôn Kon Riêng	thôn Kon Riêng, xã Đắk Choong	UBND xã Đắk Choong	Công trình dân dụng cấp IV, diện tích xây dựng 220m ² ; 01 bộ trụ, lưới	2022-	36	30	6	36	30	6		
8	Xã Xốp					1.905	1.706	199	1.905	1.706	199		
8.1	Đường đi KSX Công Hang thôn Đắk Xi Na xã Xốp	Thôn Đắk Xi Na, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; L=885m;Bn= 5m;Bm=3m	2022-	1.003	900	103	1.003	900	103		





TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn Vốn NSTW	Nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác				
8.2	Đường đi KSX Công Xi Mễ thôn Kon Liêm xã Xốp	Thôn Kon Liêm, xã Xốp	UBND xã Xốp	Đường GTNT loại C; L=800m; Bn= 5m; Bm=3m	2022-	902	806	96	902	806	96	
9	Xã Mường Hoong					1.902	1.706	196	1.902	1.706	196	
9.1	Đường GTNT từ nhà A Tiếc đến nhà A Tim thôn Đăk Bê	Thôn Đăk Bê	UBND xã Mường Hoong	Đường giao thông nông thôn loại C, L=150m, Bn=5, Bm=3m (theo QĐ số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014).	2022-	228	200	28	228	200	28	
9.2	Đường từ nhà A Cam đến đường liên thôn	Thôn Đăk Bê	UBND xã Mường Hoong	Đường giao thông nông thôn loại C, L=80m, Bn=5, Bm=3m (theo QĐ số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014).	2022-	178	160	18	178	160	18	
9.3	Đường đi khu sản xuất Vân Long thôn Ngọc Nang (giai đoạn 1)	Thôn Ngọc Nang	UBND xã Mường Hoong	Đường giao thông nông thôn loại C, L=1250m, Bn=5, Bm=3m (theo QĐ số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014).	2022-	1.496	1.346	150	1.496	1.346	150	
10	Xã Ngọc Linh					1.903	1.706	197	1.903	1.706	197	
10.1	Thủy lợi Ngọc Pông	Long Năng	UBND xã Ngọc Linh	Dự án nhóm C, công trình cấp IV, Đập Kiên cố hóa hệ thống kênh mương, diện tích 1.500m ²	2022-	563	506	57	563	506	57	
10.2	Thủy lợi Crao Man	Ngọc Súc	UBND xã Ngọc Linh	Dự án nhóm C, công trình cấp IV, xây dựng đập đầu mối, bê tông hóa đường kênh mương, diện tích 1.600m ²	2022-	667	600	67	667	600	67	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn Vốn NSTW	Nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác				
10.3	Đường giao thông liên thôn Ngọc Súc	Ngọc Súc	UBND xã Ngọc Linh	Đường giao thông nông thôn loại C (theo QĐ số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014), cấp công trình loại IV, chiều dài tuyến Lt=650m.	2022-	673	600	73	673	600	73	
11	Xã Đăk Man					1.877	1.706	171	1.877	1.706	171	
11.1	Đường đi KSX thôn Đông Lốc từ nhà Y Hoàng đến KSX Đăk Lú (kéo dài)	Đăk Lú	UBND xã Đăk Man	Đường giao thông nông thôn loại C (theo QĐ số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014), cấp công trình loại IV, chiều dài tuyến Lt=1.500m.	2022-	1.877	1.706	171	1.877	1.706	171	
II	Kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2022-2025					10.983	9.477	1.506	10.983	9.477	1.506	
1	UBND xã Đăk Pek					3.985	3.159	826	3.985	3.159	826	
1.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đăk Rang	Thôn Đăk Rang	UBND xã Đăk Pek	Xây mới 150m2	2022-	355	100	255	355	100	255	
1.2	Sửa chữa đường nội thôn Đăk Ven (mương thoát nước)	Thôn Đăk Ven	UBND xã Đăk Pek	Sửa chữa	2022-	596	351	245	596	351	245	
1.3	Trang bị hệ thống chiếu sáng đường nội thôn Đăk Ven	Thôn Đăk Ven	UBND xã Đăk Pek	Mua sắm	2023-	85	82	3	85	82	3	
1.4	Sân thể thao thôn Đăk Ven (sân bóng chuyền)	Thôn Đăk Ven	UBND xã Đăk Pek	Công trình dân dụng cấp IV	2023-	33	30	3	33	30	3	
1.5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông Thượng	Thôn Đông Thượng	UBND xã Đăk Pek	Xây mới 150m2	2023-	155	100	55	155	100	55	
1.6	Làm mới đường nội thôn Đông Thượng	Thôn Đông Thượng	UBND xã Đăk Pek	Dài 0,9km, rộng 3m	2023-	780	700	80	780	700	80	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn Vốn NSTW	Nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác				
1.7	Làm mới đường nội thôn Măng Rao	Thôn Măng Rao	UBND xã Đắk Pek	Dài 0,6km, rộng 3m	2023-	519	469	50	519	469	50	
1.8	Làm mới đường liên thôn 14a - Dên Prông (giai đoạn 1)	Thôn 14a-Dên Prông	UBND xã Đắk Pek	Dài 2,8 km, rộng 3m	2023-	1.462	1.327	135	1.462	1.327	135	
2	UBND xã Đắk Kroong					3.521	3.159	362	3.521	3.159	362	
2.1	Đường GTNT từ cầu treo đi KSX Đắk Reng thôn Núi Vai xã Đắk Kroong	Thôn Núi Vai	UBND xã Đắk Kroong	Đường GTNT loại C Bn=5m; Bm = 3m; Lt = 460	2022-	519	451	68	519	451	68	
2.2	Xây dựng mới 02 phòng học thuộc trường tiểu học xã Đắk kroong điểm trường thôn Đắk Túc	Thôn Đắk Túc	UBND xã Đắk Kroong	Xây mới 02 phòng học; mua sắm bàn ghế và vật tư phục vụ cho dạy học	2023-	500	450	50	500	450	50	
2.3	Đường GTNT nhánh 1 nối dài từ đường bê tông đi KSX thôn Đắk Sút	Thôn Đắk Sút	UBND xã Đắk Kroong	Đường GTNT loại C Bn=5m; Bm = 3m; Lt = 950	2023-	1.054	950	104	1.054	950	104	
2.4	Sửa chữa 02 phòng học trường mầm non điểm thôn Đắk Gò	Thôn Đắk Gò	UBND xã Đắk Kroong	Sửa chữa nhà vệ sinh, thay toàn bộ mái tôn, quét vôi ve, sơn toàn bộ tường, sửa chữa lại toàn bộ tường của lớp học,.....	2023-	500	450	50	500	450	50	
2.5	Đường đi KSX từ Đắk Dụ sang Đắk Gò	Thôn Đắk Bo	UBND xã Đắk Kroong	Đường GTNT loại C Bn=5m; Bm = 3m; Lt = 458	2024-	507	459	48	507	459	48	
2.6	Xây mới cống Đắk Sing 1, Đắk Priu thôn Đắk Túc	Thôn Đắk Túc	UBND xã Đắk Kroong	Xây mới cống nước ngầm	2024-	441	399	42	441	399	42	
3	UBND xã Đắk Môn					3.477	3.159	318	3.477	3.159	318	
3.1	Cầu treo dân sinh thôn Đắk Nai	Thôn Kon Boong	Xã Đắk Môn	Lc= 100m	2022-	3.300	3.000	300	3.300	3.000	300	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư (dự kiến)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Vốn đối ứng (nhân dân đóng góp)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn Vốn NSTW	Nguồn nhân dân đóng góp và nguồn vốn hợp pháp khác				
3.2	Đường GT đi KSX nhánh 3 thôn Ri Mẹt, xã Đăk Môn (L= 900m)	Thôn Ri Mẹt	Xã Đăk Môn	Đường GTNT loại C; L 900m	2023-	177	159	18	177	159	18	

Ghi chú: Dự án đủ điều kiện áp dụng cơ chế đặc thù thì thực hiện theo cơ chế đặc thù



Phụ lục VI

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
ĐỐI ƯNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Tỷ lệ đối ứng	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (bố trí tối đa)	Ngân sách cấp huyện, xã và nguồn vốn hợp pháp khác	
A	TỔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ƯNG	284.775		50.445	12.203	38.242	
B	CHIA THEO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH	284.775		50.445	12.203	38.242	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	260.368	10%	26.038		26.038	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	24.407	100%	24.407	12.203	12.204	

PHỤ LỤC VII
BIỂU TỔNG HỢP VỐN ĐỐI ỨNG HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình / xã	Tổng số đối ứng theo quy định	Tổng số vốn đối ứng	Trong đó		Chia ra các nguồn vốn NSNN						Thừa (+), thiếu (-)
				Nhân dân đóng góp	Vốn NSNN	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Phân cấp Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới	Nguồn số xố kiến thiết	Phân cấp cân đối theo tiêu chí NQ 63/2020/NQ-HĐND	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	
TỔNG SỐ		38.241	62.832	5.338	57.494	7.481	13.910	4.590	13.367	15.083	3.063	24.591
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	12.204	18.939	3.689	15.250	1.100	10.150	4.000	0	0	0	6.735
1	Xã Đắk Kroong	1.793	2.916	416	2.500			2.500				1.123
2	Xã Đắk Môn	1.794	1.363	363	1.000		1.000					-431
3	Xã Đắk Pék	1.793	2.395	1.395	1.000		1.000					602
4	Xã Đắk Long	853	1.696	196	1.500			1.500				843
5	Xã Đắk Nhoong	853	788	188	600	600						-65
6	Xã Đắk Plô	853	694	194	500	500						-159
7	Xã Đắk Man	853	1.671	171	1.500		1.500					818
8	Xã Đắk Choong	853	1.324	174	1.150		1.150					471
9	Xã Xốp	853	2.699	199	2.500		2.500					1.846
10	Xã Mường Hoong	853	1.696	196	1.500		1.500					843
11	Xã Ngọc Linh	853	1.697	197	1.500		1.500					844



STT	Chương trình/xã	Tổng số đối ứng theo quy định	Tổng số vốn đối ứng	Trong đó		Chia ra các nguồn vốn NSNN						Thừa (+), thiếu (-)
				Nhân dân đóng góp	Vốn NSNN	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi	Phân cấp Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới	Nguồn số xố kiến thiết	Phân cấp cân đối theo tiêu chí NQ 63/2020/NQ-HĐND	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi	26.037	43.893	1.649	42.244	6.381	3.760	590	13.367	15.083	3.063	17.856
1	Thị trấn Đắk Glei	1.002	18.255	178	18.077	681			7.300	7.033	3.063	17.253
2	Xã Đắk Long	3.045	1.657	257	1.400				1.400			-1.388
3	Xã Đắk Nhoong	1.081	2.173	173	2.000	500	1.500					1.092
4	Xã Đắk Plô	1.345	3.039	239	2.800	1.300	910	590				1.694
5	Xã Đắk Man	1.636	0		0							-1.636
6	Xã Đắk Choong	1.577	1.593	243	1.350		1.350					17
7	Xã Xốp	5.392	96	96	0							-5.296
8	Xã Mường Hoong	4.091	1.159	115	1.044	200			844			-2.932
9	Xã Ngọc Linh	4.973	8.062	89	7.973	3.700			3.823	450		3.089
10	Xã Đắk Kroong	1.001	2.533	233	2.300					2.300		-1.532
11	Xã Đắk Pék	213	5.326	26	5.300					5.300		5.113
12	Đầu tư chung	681	0		0							-681



PHỤ LỤC VIII

CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (VỐN ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số: 20/NQ - HĐND ngày 05 / 10 /2022 của HĐND huyện Đắk Glei)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đối ứng giai đoạn 2021-2025
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS huyện (theo nguồn)	
	TỔNG SỐ				176.242,00	105.091,00	57.494,00
A	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				21.969,00	15.250,00	15.250,00
1	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi				1.100,00	1.100,00	1.100,00
-	Khắc phục, sửa chữa Cổng qua đường D100 (Lý trình: Km4+200) tuyến đường ĐH.83 từ thị trấn đi Đắk Nhoong	xã Đắk Nhoong	2022-	253; 22/7/2020	600,00	600,00	600,00
-	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông xã Đắk Nhoong đi xã Đắk Plô	xã Đắk Plô	2022-	253; 22/7/2020	500,00	500,00	500,00
2	Phân cấp Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới (ưu tiên giáo dục)				15.317,00	10.150,00	10.150,00
-	Trường PTDTBT THCS Ngọc Linh	Ngọc Linh	2021-	2495; 15/12/2020	2.000,00	1.500,00	1.500,00
-	Trường Tiểu học Mường Hoong (điểm trường chính)	Mường Hoong	2021-	934; 22/10/2021	1.500,00	1.500,00	1.500,00
-	Trường THCS Đắk Pék	xã Đắk Pék	2022-	935; 22/10/2021	5.667,00	1.000,00	1.000,00
-	Trường TH-THCS xã Đắk Man	xã Đắk Man	2022-	839; 05/9/2021	1.500,00	1.500,00	1.500,00
-	Trường TH&THCS xã Xốp	xã Xốp	2022-	839; 05/9/2021	2.500,00	2.500,00	2.500,00
-	Trường Tiểu học xã Đắk Môn	xã Đắk Môn	2022-	839; 05/9/2021	1.000,00	1.000,00	1.000,00
-	Trường mầm non xã Đắk Choong: Hạng mục: Sửa chữa các phòng học; làm mới cổng, hàng rào và các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường thôn Đắk Glây, thôn La Lua và thôn Đắk Mí.	xã Đắk Choong	2022-	914; 6/10/2021	1.150,00	1.150,00	1.150,00
3	Nguồn số xố kiến thiết				5.552,00	4.000,00	4.000,00
-	Trường PTDTBT THCS xã Đắk Long	xã Đắk Long	2021-	2497; 15/12/2020	3.052,00	1.500,00	1.500,00
-	Trường THCS xã Đắk Kroong	xã Đắk Kroong	2022-	839; 05/9/2021	2.500,00	2.500,00	2.500,00
B	Chương trình vùng đồng bào dân tộc thiểu số				154.273,00	89.841,00	42.244,00
1	Thị trấn Đắk Glei				73.685,00	63.131,00	18.077,00



TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đối ứng giai đoạn 2021-2025
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS huyện (theo nguồn)	
*	<i>Phân cấp cân đối theo tiêu chí Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND</i>				8.000,00	7.300,00	7.300,00
-	Trường Tiểu học thị trấn Đăk Glei	Thị trấn Đăk Glei	2021-	380; 05/5/2021	8.000,00	7.300,00	7.300,00
*	<i>Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách</i>				49.940,00	48.117,00	3.063,00
-	Đường và Cầu BTCT qua sông Pô Kô thị trấn Đăk Glei	Thị trấn Đăk Glei	2019-2020	1227; 30/10/2017	49.940,00	48.117,00	3.063,00
*	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất</i>				15.064,00	7.033,00	7.033,00
-	Đường vào trung tâm huyện Đăk Glei (giai đoạn 1)	Thị trấn Đăk Glei	2020-	31; 07/12/2020	13.564,00	5.633,00	5.633,00
-	Trường TH - THCS Lý Tự Trọng	Thị trấn Đăk Glei	2022-	839; 05/9/2021	1.500,00	1.400,00	1.400,00
*	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi</i>				681,00	681,00	681,00
-	Sửa chữa Cầu tràn đi sản xuất thôn Đăk Tung thị trấn Đăk Glei	Thị trấn Đăk Glei	2022-	253; 22/7/2020	681,00	681,00	681,00
2	Xã Đăk Long				3.052,00	1.400,00	1.400,00
*	<i>Phân cấp cân đối theo tiêu chí Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND</i>				3.052,00	1.400,00	1.400,00
-	Trường PTDTBT THCS xã Đăk Long	xã Đăk Long	2022-	839; 05/9/2021	3.052,00	1.400,00	1.400,00
3	Xã Mường Hoong				35.169,00	3.587,00	1.044,00
*	<i>Phân cấp cân đối theo tiêu chí Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND</i>				34.969,00	3.387,00	844,00
-	Đầu tư CSHT vùng ATK Kon Tum - Đăk Glei: Tiểu dự án 2: Đường GT từ làng Mô Bo đi làng Tu Chiêu A xã Mường Hoong và đường GT từ làng Lê Văn đi làng Tân Rát 2 xã Ngọc Linh	Mường Hoong	2020-	278; 31/10/2016	34.969,00	3.387,00	844,00
*	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi</i>				200,00	200,00	200,00
-	Đường GTNT từ nhà A Đĩa đến nhà A Tiếp thôn Đăk Bể xã Mường Hoong	xã Mường Hoong	2022-	253; 22/7/2020	200,00	200,00	200,00
4	Xã Đăk Kroong				2.500,00	2.300,00	2.300,00
*	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất</i>				2.500,00	2.300,00	2.300,00
-	Đường GTNT nội thôn nú vai từ nhà rông ra đường HCM giai đoạn 3	xã Đăk Kroong	2021-	2497; 15/12/2020	2.500,00	2.300,00	2.300,00
5	Xã Ngọc Linh				25.850,00	7.973,00	7.973,00
*	<i>Phân cấp cân đối theo tiêu chí Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND</i>				8.660,00	3.823,00	3.823,00
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Ngọc Linh	xã Ngọc Linh	2022-	01; 29/01/2021	8.000,00	3.223,00	3.223,00
-	Sân thể thao xã Ngọc Linh	xã Ngọc Linh	2022-	839; 05/9/2021	660,00	600,00	600,00
*	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất</i>				2.000,00	450,00	450,00



TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đối ứng giai đoạn 2021-2025
				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS huyện (theo nguồn)	
-	Trường PTDTBT THCS Ngọc Linh	xã Ngọc Linh	2021-	839; 05/9/2021	2.000,00	450,00	450,00
*	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi</i>				15.190,00	3.700,00	3.700,00
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND, UBND xã Ngọc Linh huyện Đăk Glei	xã Ngọc Linh	2022-	01; 26/01/2021	14.990,00	3.500,00	3.500,00
-	Nước sinh hoạt thôn Cung Rang xã Ngọc Linh	xã Ngọc Linh	2022-	253; 22/7/2020	200,00	200,00	200,00
6	Xã Đăk Pék				6.867,00	5.300,00	5.300,00
*	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất</i>				6.867,00	5.300,00	5.300,00
-	Công hàng rào trung tâm Chính trị	xã Đăk Pék	2021-	2496; 15/12/2020	1.200,00	1.100,00	1.100,00
-	Trường THCS Đăk Pék	xã Đăk Pék	2021-	934; 22/10/2021	5.667,00	4.200,00	4.200,00
7	Xã Đăk Nhoong				2.000,00	2.000,00	2.000,00
*	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi</i>				500,00	500,00	500,00
-	Khắc phục, sửa chữa tuyến đường DH.83 từ thị trấn Đăk Glei đi xã Đăk Nhoong	Đăk Nhoong	2022-	253; 22/7/2020	500,00	500,00	500,00
*	<i>Phân cấp Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới (ưu tiên giáo dục)</i>				1.500,00	1.500,00	1.500,00
-	Trường TH - THCS Đăk Nhoong	xã Đăk Nhoong	2021-	839; 05/9/2021	1.500,00	1.500,00	1.500,00
8	Xã Đăk Choong				1.350,00	1.350,00	1.350,00
*	<i>Phân cấp Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới (ưu tiên giáo dục)</i>				1.350,00	1.350,00	1.350,00
-	Trường PTDTBT tiểu học xã Đăk Choong: Hạng mục: Sửa chữa và làm mới cổng, hàng rào và sân bê tông tại điểm trường thôn Kon Riêng và thôn Đăk Mi	xã Đăk Choong	2022-	914; 6/10/2021	1.100,00	1.100,00	1.100,00
-	Nhà văn hóa xã Đăk Choong: Hạng mục: Sân bê tông	xã Đăk Choong	2022-	914; 6/10/2021	250,00	250,00	250,00
9	Xã Đăk Plô				3.800,00	2.800,00	2.800,00
*	<i>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi</i>				2.300,00	1.300,00	1.300,00
-	Khắc phục, sửa chữa đường giao thông từ Trung tâm xã Đăk Plô đi vào Đồn Biên phòng Sông Thanh	xã Đăk Plô	2022-	253; 22/7/2020	2.300,00	1.300,00	1.300,00
*	<i>Phân cấp Hỗ trợ thực hiện nông thôn mới (ưu tiên giáo dục)</i>				910,00	910,00	910,00
-	Trường TH - THCS xã Đăk Plô	xã Đăk Plô	2022-	839; 05/9/2021	910,00	910,00	910,00
*	<i>Nguồn số xổ kiến thiết</i>				590,00	590,00	590,00
-	Trường MN xã Đăk Plô	xã Đăk Plô	2022-	839; 05/9/2021	590,00	590,00	590,00